TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2024/DS-PT
Ngày: 24/7/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Thẩm Phán: Ông **Nguyễn Văn Trường**

Ông **Nguyễn Văn Dũng**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Chiếm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Ngọc Bích** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2024/QĐ- PT ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1966: vắng mặt

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho anh Nguyễn Thành N: ông Cao Văn T, sinh năm 1957, địa chỉ: số F, khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2023): có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Chị **Mai Thị Bích H**, sinh năm 1983: vắng mặt.

2.2. Anh **Nguyễn Hữu V**, sinh năm 1980: vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2.3. Anh **Huỳnh N1**, sinh năm 1973: vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho anh Huỳnh N1: ông **Ung Văn H1**, sinh năm 1962; Địa chỉ: số A đường P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 08/04/2024): có mặt.

2.4. Anh **Hồ Minh D**, sinh năm 1985: vắng mặt.

Địa chỉ: số F, đường Đ, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị **Mai Thị V1**, sinh năm 1978: vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Chị **Nguyễn Thị Hồng P**, sinh năm 1985: vắng mặt.

Địa chỉ: số F, đường Đ, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Thành N và người đại diện hợp pháp trình bày: Ngày 23/3/2023, anh N có ký hợp đồng đặt cọc nhận chuyển nhượng trọn thửa phần đất thuộc thửa đất số 436, TBĐ số 2, diện tích 746,7m^2 loại đất CLN tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long với bên nhận chuyển nhượng chị Mai Thị Bích H, anh Huỳnh N1 và anh Hồ Minh D với giá chuyển nhượng là 2,7 tỷ đồng.

Ngày 23/3/2023, anh N đã chuyển khoản cho chị H, anh V số tiền 500.000.000đ;

Ngày 05/4/2023, anh N đã chuyển khoản cho anh D số tiền 30.000.000đ;

Ngày 15/5/2023, anh N đã chuyển khoản cho anh D số tiền 30.000.000đ;

Ngày 22/5/2023, anh N đã chuyển khoản cho anh D số tiền 100.000.000đ;

Ngày 29/6/2023, anh N đã chuyển khoản cho chị H số tiền 250.000.000đ;

Ngày 27/3/2023, anh N có chuyển nhượng chị Mai Thị Bích H thửa đất số 502, TBĐ số 13, diện tích 311,5m^2 và thửa đất số 503, TBĐ số 13, diện tích 314,5m^2 loại đất ONT tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long với giá chuyển nhượng là 1.790.000.000đ.

Sau khi khấu trừ tiền bán đất và tiền chuyển khoản cho anh V, chị H và anh D thì anh N đã thanh toán xong số tiền đất nêu trên.

Nay anh Nguyễn Thành N yêu cầu chị Mai Thị Bích H, anh Nguyễn Hữu V, anh Huỳnh N1 và anh Hồ Minh D tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 436, TBĐ số 2, diện tích 746,7m^2 loại đất CLN tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Còn các yêu cầu khác thì anh N rút lại không yêu cầu nữa. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Hữu V, chị Mai Thị Bích H trình bày:

Ngày 23/3/2023, anh V và chị H thống nhất lời trình bày của nguyên đơn là có chuyển nhượng thửa đất số 436, TBĐ số 2, diện tích 746,7m^2 loại đất CLN tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long với bên nhận chuyển nhượng chị Mai Thị Bích H, anh Huỳnh N1 và anh Hồ Minh D với giá chuyển nhượng là 2,7 tỷ đồng và đã nhận số tiền chuyển nhượng từ anh N như anh N trình bày.

Ngày 27/3/2023, chị H có nhận chuyển nhượng anh Nguyễn Thành N thửa đất số 502, TBĐ số 13, diện tích 311,5m^2 và thửa đất số 503 TBĐ số 13, diện tích 314,5m^2 loại đất ONT tọa lạc xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long với giá chuyển nhượng là 1.790.000.000đ.

Sau khi khấu trừ tiền bán đất và tiền chuyển khoản cho anh V, chị H và anh D thì anh N đã thanh toán xong số tiền đất nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Huỳnh N1 trình bày: Anh N1 đồng ý nhận 850.000.000đ từ anh V, chị H trong thời hạn từ 16/10/2023 đến ngày 08/11/2023 và đồng ý chuyển nhượng cho anh N thửa đất số 436, TBĐ số 2, diện tích 746,7m^2 loại đất CLN tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Anh N1 và anh V sẽ ra Văn phòng công chứng ký đồng sử dụng thửa đất số 433, tờ bản đồ số 2, diện tích 643,7m^2 loại đất CLN tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hồ Minh D trình bày: Anh Dũng đồng ý nhận 150.000.000đ từ anh V, chị H và đồng ý chuyển nhượng cho anh N thửa đất số 436, TBĐ số 2, diện tích 746,7m^2 loại đất CLN tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Mai Thị V1 và chị Nguyễn Hồng P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và không có yêu cầu độc lập.

Tại phiên hòa giải, anh V, chị H thỏa thuận: Anh Nguyễn Hữu V đồng ý giao cho anh N1 số tiền 850.000.000đ và anh D số tiền 150.000.000đ từ

16/10/2023 đến ngày 01/11/2023. Anh V đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 436, TBĐ số 2, diện tích 746,7m^2 loại đất CLN tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Từ ngày 01/11/2023 đến ngày 08/11/2023, anh V và anh N1 sẽ ra Văn phòng công chứng ký đồng sử dụng thửa đất số 433, tờ bản đồ số 2, diện tích 643,7m^2 loại đất CLN tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Tuy nhiên, anh V, chị H không thực hiện thỏa thuận trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Căn cứ vào: Các Điều 147, 150, 157, 165, 217, 218, 227, 228, 244, 264 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 129, 501, 502 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 100, 188 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 26 và 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thành N đối với yêu cầu chị Mai Thị Bích H, anh Nguyễn Hữu V trả cho anh Nguyễn Thành N số tiền 1.190.000.000đ để anh Nguyễn Thành N trả lại cho anh Huỳnh N1 và anh Hồ Minh D; Trường hợp bên chuyển nhượng không đồng ý tiếp tục thực hiện làm thủ tục hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng thì bên chuyển nhượng phải bồi thường gấp đôi số tiền cọc 500.000.000đ và phải hoàn trả lại số tiền vốn 2.700.000.000đ. Tổng cộng là 3.200.000.000đ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành N.

- Công nhận cho anh Nguyễn Thành N được quyền sử dụng thửa đất số 436, TBĐ số 2, diện tích 746,7m^2 loại đất CLN tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Buộc anh Nguyễn Hữu V, chị Mai Thị Bích H, anh Huỳnh N1 và anh Hồ Minh D phải có trách nhiệm giao anh Nguyễn Thành N thửa số 436, TBĐ số 2, diện tích 746,7m^2 loại đất CLN tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có sơ đồ kèm theo).

- Buộc anh Nguyễn Hữu V và chị Mai Thị Bích H phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Huỳnh N1 số tiền 850.000.000đ (T1 trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc anh Nguyễn Hữu V và chị Mai Thị Bích H phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Hồ Minh D số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Anh Nguyễn Thành N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để tiến hành kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, bị đơn là anh Huỳnh N1 kháng cáo với nội dung: Yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm buộc anh Nguyễn Thành N phải trả cho bị đơn anh N1 850.000.000đ.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn Huỳnh N1 có đơn kháng cáo trình bày: Anh Huỳnh N1 vẫn giữ kháng cáo.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Anh Nguyễn Thành N thống nhất yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Nhuận . Anh N đồng ý trả cho anh N1 số tiền 850.000.000 đồng và yêu cầu anh V, chị H phải trả lại cho anh N số tiền 850.000.000 đồng mà anh V, chị H đã nhận bằng hình thức cấn trừ giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh N với anh V, chị H, nhưng sau đó, anh V, chị H đã không trả lại cho anh N1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm. Người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Huỳnh N1, sửa án sơ thẩm. Buộc anh N trả cho anh N1 số tiền 850.000.000 đồng và buộc anh V, chị H có nghĩa vụ trả cho anh N số tiền 850.000.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về lãi suất chậm thi hành án, án phí và các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn Huỳnh N1 là hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn Nguyễn Thành N, bị đơn Huỳnh N1 nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng; các bị đơn Mai Thị Bích H, Nguyễn Hữu V, Hồ Minh D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo thuộc trường hợp đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, anh N và anh N1 thông qua người đại diện hợp pháp đã thống nhất về số tiền theo yêu cầu kháng cáo và nghĩa vụ anh N phải trả cho anh N1. Quá trình giải quyết vụ án, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đều thể hiện, anh V, chị H đã tự thỏa thuận thanh toán tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất chung của anh V, chị H với anh N1, anh D nhưng không được sự đồng ý của anh N1, anh D nên anh N là bên có nghĩa vụ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn thiếu với bên có quyền là anh N1, anh D. Do vậy, anh N1 kháng cáo là có căn cứ nên cần xác định lại nghĩa vụ trả tiền của các bên như yêu cầu kháng cáo của anh N1 đã được anh N đồng ý tại phiên tòa, theo đó, anh N phải có nghĩa vụ trả cho anh N1 số tiền 850.000.000 đồng và buộc anh V, chị H phải trả lại anh N số tiền 850.000.000 đồng, tương ứng tỷ lệ số tiền anh N1 được nhận.

Đối với anh D, sau khi xét xử sơ thẩm, đã không kháng cáo nội dung anh V, chị H trả tiền anh D, tương ứng tỷ lệ số tiền anh D lẽ ra được nhận từ anh N. Đây là quyền định đoạt của anh D, không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

[3] Về án phí:

Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại tương ứng số tiền theo nghĩa vụ phải trả. Cụ thể: Anh N phải chịu án phí: 36.000.000 đồng + 3% (850.000.000 đồng - 800.000.000 đồng) = 37.500.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tạm ứng án phí 22.785.000 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0005167 ngày 30/6/2023 và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0005289 ngày 12/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, anh N phải nộp tiếp 14.415.000 đồng.

Anh V, chị H phải chịu án phí: 36.000.000 đồng + 3% (1.000.000 đồng - 800.000.000 đồng) = 42.000.000 đồng.

Anh V, chị H, anh D, anh N1 phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng, tương ứng mỗi người phải nộp 75.000 đồng do yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh N1 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Với nhận định trên, kháng cáo của anh N1 và quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Các nội dung khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của anh Huỳnh Nhuận. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Áp dụng Điều 147, 150, 157, 165, 217, 218, 227, 228, 244, 264 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 129, 501, 502 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 100, 188 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành N.

1.1. Buộc anh Nguyễn Thành N phải trả cho anh Huỳnh N1 số tiền 850.000.000đ (T1 trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc anh Nguyễn Hữu V và chị Mai Thị Bích H phải trả cho anh Nguyễn Thành N số tiền 850.000.000đ (T1 trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc anh Nguyễn Hữu V và chị Mai Thị Bích H phải trả cho anh Hồ Minh D số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Công nhận cho anh Nguyễn Thành N được quyền sử dụng thửa đất số 436, TBĐ số 2, diện tích 746,7m^2 loại đất CLN tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc anh Nguyễn Hữu V, chị Mai Thị Bích H, anh Huỳnh N1 và anh Hồ Minh D phải có trách nhiệm giao anh Nguyễn Thành N thửa số 436, TBĐ số 2, diện tích 746,7m^2 loại đất CLN tọa lạc xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

Anh Nguyễn Thành N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để tiến hành kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Nguyễn Thành N phải chịu 37.500.000 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tạm ứng án phí 22.785.000 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0005167 ngày 30/6/2023 và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0005289 ngày 12/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, anh N phải nộp tiếp 14.415.000 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

- Buộc anh Huỳnh N1, anh Hồ Minh D, anh Nguyễn Hữu V và chị Mai Thị Bích H mỗi người nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc chị Mai Thị Bích H, anh Nguyễn Hữu V phải chịu 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Huỳnh N1 không phải nộp. Trả lại cho anh N1 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0001106 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm về đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đã rút, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Triệu Hữu